QUATEST 3®

Cập nhật tiến độ thực hiện các chương trình TNTT năm 2016

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
1.	QPT 01/16	Vi sinh trong mẫu ngũ cốc: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Escherichia coli*, tổng số Coliform	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/01/2016	18/01/2016	09/03/2016	06/04/2016
2.	QPT 02/16	Vi sinh trong mẫu thịt: Định tính *Salmonella* spp.	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/01/2016	18/01/2016	29/02/2016	06/04/2016
3.	QPT 03/16	Vi sinh trong mẫu sữa bột: Định lượng tổng số nấm men và nấm mốc	Đã ban hành báo cáo kết thúc	20/02/2016	22/02/2016	23/03/2016	06/05/2016
4.	QPT 04/16	Vi sinh trong mẫu thủy hải sản: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Escherichia coli*, tổng số Coliform	Đã ban hành báo cáo kết thúc	04/03/2016	21/03/2016	29/04/2016	06/06/2016
5.	QPT 05/16	Vi sinh trong mẫu thủy hải sản: Định lượng Staphylococci dương tính với coagulase	Đã ban hành báo cáo kết thúc	04/03/2016	28/03/2016	29/04/2016	06/06/2016
6.	QPT 06/16	Vi sinh trong mẫu sữa bột: Định lượng Enterobacteriaceae	Đã ban hành báo cáo kết thúc	04/03/2016	14/03/2016	21/04/2016	06/06/2016
7.	QPT 07/16	Vi sinh trong mẫu thủy hải sản: Định tính *Salmonella* spp.	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/03/2016	19/04/2016	23/05/2016	06/07/2016
8.	QPT 08/16	Vi sinh trong mẫu sữa bột: Định tính *Listeria monocytogenes*	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/03/2016	28/03/2016	29/04/2016	06/06/2016

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
9.	QPT 09/16	Vi sinh trong mẫu sữa bột: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Escherichia coli*, tổng số Coliform	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/04/2016	09/05/2016	29/06/2016	09/08/2016
10.	QPT 10/16	Vi sinh trong mẫu ngũ cốc: Định lượng *Bacillus cereus* giả định	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/04/2016	23/05/2016	28/06/2016	09/08/2016
11.	QPT 11/16	Vi sinh trong mẫu thủy hải sản: Định tính *Vibrio parahaemolyticus*	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	27/06/2016	05/08/2016	31/08/2016
12.	QPT 12/16	Vi sinh trong mẫu sữa bột: Định lượng Staphylococci dương tính với coagulase	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	13/06/2016	25/07/2016	31/08/2016
13.	QPT 13/16	Vi sinh trong mẫu phân bó: Vi sinh vật cố định nitơ, vi sinh vật phân giải hợp chất phốt pho khó tan, vi sinh vật phân giải cenlulose	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	27/06/2016	13/08/2016	07/10/2016
14.	QPT 14/16	Vi sinh trong mẫu thịt: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Escherichia coli*, tổng số Coliform	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	11/07/2016	30/08/2016	17/10/2016
15.	QPT 15/16	Vi sinh trong mẫu ngũ cốc: Định lượng tổng số nấm men và nấm mốc	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	25/07/2016	29/08/2016	21/09/2016
16.	QPT 16/16	Vi sinh trong mẫu sữa bột: Định tính *Salmonella* spp.	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	25/07/2016	30/08/2016	21/10/2016

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
17.	QPT 17/16	Vi sinh trong mẫu thủy hải sản: Định lượng Enterobacteriaceae	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/07/2016	15/08/2016	19/09/2016	07/10/2016
18.	QPT 18/16	Vi sinh trong mẫu thủy hải sản: Định tính *Listeria monocytogenes*	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/07/2016	27/08/2016	11/10/2016	14/11/2016
19.	QPT 19/16	Vi sinh trong mẫu thức ăn chăn nuôi: Định lượng *Escherichia coli*	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/07/2016	27/08/2016	07/10/2016	21/10/2016
20.	QPT 20/16	Vi sinh trong mẫu nước: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, *Escherichia coli*, tổng số Coliform	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/08/2016	26/09/2016	16/11/2016	26/12/2016
21.	QPT 21/16	Vi sinh trong mẫu ngũ cốc: Định lượng Staphylococci dương tính với coagulase	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/08/2016	19/09/2016	25/10/2016	01/12/2016
22.	QPT 22/16	Vi sinh trong mẫu thức ăn chăn nuôi: Định tính *Salmonella* spp.	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/09/2016	17/10/2016	24/11/2016	16/12/2016
23.	QPT 23/16	Vi sinh trong mẫu thịt: Định lượng *Clostridium perfringens*	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/09/2016	31/10/2016	09/12/2016	30/12/2016
24.	QPT 24/16	Mẫu dầu thực vật**:** Chỉ số iốt, Chỉ số peroxit, axit béo tự do, chỉ số xà phòng hóa	Đã ban hành báo cáo kết thúc	04/03/2016	30/03/2016	16/05/2016	21/06/2016

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
25.	QPT 25/16	Mẫu nước mắm: Nitơ tổng số, nitơ amoniac, nitơ axit amin, NaCl	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	23/06/2016	22/07/2016	31/08/2016
26.	QPT 26/16	Mẫu sữa nước: Protein, béo, chất khô	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/04/2016	25/05/2016	07/07/2016	10/08/2016
27.	QPT 27/16	Mẫu sữa bột: Protein, béo, tro tổng	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/07/2016	23/08/2016	01/10/2016	18/10/2016
28.	QPT 28/16	Mẫu thủy hải sản: Pb, Cd, As, Hg	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/04/2016	30/05/2016	07/07/2016	09/08/2016
29.	QPT 29/16	Mẫu thủy hải sản: Dư lượng kháng sinh Tetracycline, Chlortetracycline, Oxytetracycline	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	19/08/2016	07/10/2016	14/11/2016
30.	QPT 30/16	Mẫu thủy hải sản: Dư lượng kháng sinh chloramphenicol	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	25/07/2016	07/09/2016	07/10/2016
31.	QPT 31/16	Mẫu thịt: Hàm lượng salbutamol	Hủy chương trình				
32.	QPT 32/16	Mẫu thức ăn chăn nuôi: Protein, béo, tro tổng, canxi, photpho	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	22/07/2016	07/09/2016	19/10/2016
33.	QPT 33/16	Mẫu thức ăn chăn nuôi: Dư lượng kháng sinh Tetracycline, Chlortetracycline, Oxytetracycline	Hủy chương trình				

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
34.	QPT 34/16	Mẫu thức ăn chăn nuôi: Aflatoxin B_1, B_2, G_1, G_2 và tổng số	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/08/2016	30/09/2016	17/11/2016	12/12/2016
35.	QPT 35/16	Mẫu nước mặt: Pb, Cd, As, Cu, Zn, Ni, Fe	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/04/2016	27/05/2016	09/07/2016	31/08/2016
36.	QPT 36/16	Mẫu nước mặt: NH_4^+, Cl^-, NO_3^-, PO_4^{3-}	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/04/2016	31/05/2016	09/07/2016	31/08/2016
37.	QPT 37/16	Mẫu đất trồng trọt: Pb, Cd, As, Hg	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/03/2016	29/04/2016	06/06/2016	09/08/2016
38.	QPT 38/16	Mẫu phân bón: Nitơ tổng số, photpho hữu hiệu, kali hữu hiệu, SiO_2, Ca, Mg, S, Fe, Zn, Cu, Mn	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	30/07/2016	05/10/2016	07/12/2016
39.	QPT 39/16	Mẫu phân bón: Hàm lượng chất hữu cơ tổng số, axit humic, axit fulvic	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	30/07/2016	05/10/2016	07/12/2016
40.	QPT 40/16	Mẫu phân bón: Pb, Cd, As, Hg	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/06/2016	30/07/2016	05/10/2016	07/12/2016
41.	QPT 41/16	Mẫu thuốc bảo vệ thực vật: Chlorpyrifos ethyl, Cypermethrin, Glyphosate, Pretilachlor, Fenclorim, Carbendazim, Paclobutrazol	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/08/2016	30/09/2016	18/11/2016	26/12/2016

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
42.	QPT 42/16	Mẫu dầu diesel: Hàm lượng lưu huỳnh, chỉ số xê tan, độ nhớt động học ở 40 ^{o}C, điểm đông đặc, nhiệt độ chớp cháy cốc kín, khối lượng riêng ở 15 ^{o}C, thành phần cất	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	29/06/2016	27/08/2016	07/11/2016
43.	QPT 43/16	Mẫu dây điện bọc nhựa PVC: Điện trở dây dẫn	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/08/2016	30/09/2016	16/11/2016	30/12/2016
44.	QPT 44/16	Mẫu thép: C, Mn, Si, P, S, Cr, Ni	Đã ban hành báo cáo kết thúc	04/03/2016	31/03/2016	27/05/2016	08/07/2016
45.	QPT 45/16	Mẫu thép: Khối lượng trên mét dài, giới hạn chảy trên, giới hạn bền kéo, độ giãn dài khi đứt (A)	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/05/2016	24/06/2016	13/08/2016	21/09/2016
46.	QPT 46/16	Mẫu xi măng: Cường độ nén ở 3 ngày và 28 ngày, lượng nước tiêu chuẩn, thời gian bắt đầu đông kết và kết thúc đông kết, độ ổn định thể tích theo phương pháp Le Chatelier, phần còn lại trên sàng 0,09 mm, khối lượng riêng, độ mịn bề mặt riêng (Blaine)	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/07/2016	25/08/2016	18/11/2016	21/12/2016
47.	QPT 47/16	Mẫu xi măng: Cặn không tan, hàm lượng SO_3, MgO, Na_2O hòa tan, K_2O hòa tan, CaO, Al_2O_3, Fe_2O_3, SiO_2, mất khi nung, Cl^-	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/07/2016	25/08/2016	18/11/2016	21/12/2016
48.	QPT 48/16	Mẫu thép: Độ cứng Vickers	Đã ban hành báo cáo kết thúc	20/09/2016	31/10/2016	07/12/2016	05/01/2017
49.	QPT 49/16	Mẫu thép: Độ dai va đập rãnh chữ V	Đã ban hành báo cáo kết thúc	20/09/2016	31/10/2016	07/12/2016	05/01/2017

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
50.	QPT 50/16	Mẫu dầu bôi trơn: Độ nhớt động học ở 40 ^{o}C, 100 ^{o}C, chỉ số độ nhớt, TBN, nhiệt độ chớp cháy cốc hở, khối lượng riêng ở 15 ^{o}C	Đã ban hành báo cáo kết thúc	20/09/2016	31/10/2016	26/12/2016	16/01/2017
51.	QPT 60/16	Vi sinh trong mẫu giấy: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, tổng số nấm mốc	Đã ban hành báo cáo kết thúc	15/09/2016	31/10/2016	09/12/2016	30/12/2016
52.	QPT 67/16	Mẫu vàng: Hàm lượng vàng (Au)	Đang nhận phiếu đăng ký	05/10/2016	Dự kiến 11/2016	Dự kiến 12/2016	Dự kiến 01/2017
53.	QPT 70/16	Vi sinh trong mẫu nước giải khát: Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí, tổng số Coliform, *Escherichia coli*	Đã gửi mẫu	18/11/2016	19/12/2016	Dự kiến 02/2017	Dự kiến 03/2017
54.	QPT 71/16	Kim loại nặng trong mẫu nước giải khát: Pb, Cd, As, Cu, Zn, Sb	Đã gửi mẫu	18/11/2016	19/12/2016	Dự kiến 02/2017	Dự kiến 03/2017
55.	QPT 52/16 Tổ chức theo yêu cầu riêng	Mẫu thép: Thành phần hóa: C, Mn, Si, P, S, Cr; Thành phần cơ lý: Giới hạn chảy trên, giới hạn bền kéo, độ giãn dài khi đứt, độ cứng Vickers, thử uốn	Đã ban hành báo cáo kết thúc	-	09/12/2016	13/01/2017	09/02/2017
56.	QPT 53/16 Tổ chức theo yêu cầu riêng	Mẫu thép: Thành phần hóa Mn, Cr, B	Đã ban hành báo cáo kết thúc	-	09/12/2016	-	22/12/2016
57.	QPT 58/16 Tổ chức theo yêu cầu riêng	Mẫu phân bón: Nitơ tổng số, photpho hữu hiệu, kali hữu hiệu, hàm lượng chất hữu cơ tổng số	Đã ban hành báo cáo kết thúc	-	22/03/2016	-	31/05/2016

TT	Mã chương trình	Tên chương trình	Tình trạng	Hạn chót nhận/hủy đăng ký	Thời gian gửi mẫu	Thời gian ban hành báo cáo sơ bộ	Thời gian ban hành báo cáo kết thúc
58.	QPT 59/16 Tổ chức theo yêu cầu riêng	Mẫu thép: Thành phần hóa: C, Mn, S, Cr, Mo, Cu, W; Thành phần cơ lý: Giới hạn chảy trên, giới hạn bền kéo, độ giãn dài khi đứt, thử uốn	Đã ban hành báo cáo kết thúc	-	01/04/2016	01/06/2016	06/07/2016
59.	QPT 64/16 Tổ chức theo yêu cầu riêng	Mẫu giấy: Độ bền kéo theo chiều dọc, khả năng hấp thụ nước, độ ẩm, pH nước chiết, độ bền màu của giấy (loại được làm trắng bằng chất tăng trắng huỳnh quang), độ bền màu của giấy (loại được nhuộm màu và có các hình in)	Đã ban hành báo cáo kết thúc	-	16/08/2016	15/09/2016	30/11/2016
60.	QPT 68/16 Tổ chức theo yêu cầu riêng	Mẫu thép: Thành phần cơ lý: Giới hạn chảy trên, giới hạn bền kéo, độ giãn dài khi đứt	Đã ban hành báo cáo kết thúc	-	29/08/2016	21/09/2016	14/10/2016